

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-PT
Ngày: 20-02-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa và bà Nguyễn Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2024/QĐ-PT ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/QĐ-PT ngày 23/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lò Văn I, sinh năm: 1982; địa chỉ: Bản N 2, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Lương Thị T, sinh năm: 1985; địa chỉ: Bản L, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn T, sinh năm: 1990; địa chỉ: Bản T, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lò Văn I, bà Lương Thị T, ông Lò Văn T là bà Mai Thị H, sinh năm: 1960; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 8, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nơi ở hiện nay: Bản C, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn:

- Hộ Kinh doanh bà Nguyễn Thị M. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1975; địa điểm kinh doanh: Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Ông Mai Văn B, sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Văn B: bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1975; địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lò Thị S, sinh năm: 1989; địa chỉ: Bản N 2, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lò Văn Th, sinh năm: 1979; địa chỉ: Bản L, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên.

- Bà Lường Thị N, sinh năm: 1995; địa chỉ: Bản T, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Ông I, bà H, bà M có mặt; bà S, bà N, ông Th vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử các nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/10/2020, ông Lò Văn I mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, BKS 27 B2-11758 tại Cửa hàng xe máy M B do bà M và ông B làm chủ với giá 48.000.000 đồng, tiền đăng ký xe và dán bọc xe là 3.500.000 đồng, tiền lãi do ông I không có đủ tiền mua xe nên phải trả làm nhiều đợt là 2.552.000 đồng. Tổng số tiền ông I đã trả cho ông bà M, B là: 54.052.000 đồng.

Ngày 15/9/2020, bà Lường Thị T mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, BKS 27 B2-09541 tại Cửa hàng xe máy của ông bà M, B với giá 48.000.000 đồng, tiền đăng ký xe và lắp bộ phận bảo vệ xe là 3.000.000 đồng. Tổng số tiền bà T đã trả cho ông, bà M B là: 51.000.000 đồng.

Tháng 7/2020, ông Lò Văn T mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Airblade, BKS 27 B2-068.04 tại Cửa hàng xe máy của ông bà M, B với giá 48.000.000 đồng, tiền đăng ký xe và dán bọc xe là 3.500.000 đồng, tiền lãi. Tổng số tiền ông Th đã trả cho ông, bà M B là 53.500.000 đồng.

Sau khi mua xe được một thời gian thì xe của ông I, ông Th và bà T bị Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Điện Biên thu giữ vì đây là tài sản trộm cắp trong vụ án hình sự. Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 45/2023/HS-ST ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên và Bản án Hình sự phúc thẩm số: 706/2023/HS-PT ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã tuyên tịch thu 03 chiếc xe trên để trả lại cho bị hại và giành quyền khởi kiện cho các nguyên đơn bằng vụ án dân sự khác. Vì vậy, ông I, bà T, ông Th đề nghị Tòa án giải quyết: Tuyên bố 03 hợp đồng mua bán xe mô tô giữa ông Th, ông I, bà T với bà M và ông B vô hiệu. Buộc bà M và ông B phải hoàn trả lại cho ông Th, ông I, bà T mỗi người

48.000.000 đồng tiền mua xe ngoài ra còn phải trả cho ông I 6.052.000 đồng; trả cho ông Th 5.500.000 đồng; trả cho bà T 3.000.000 đồng tiền làm đăng ký xe, dán bọc xe, tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Mai Văn B trình bày:

Bà M và ông B thừa nhận có bán cho ông I, bà T và ông Th 03 chiếc xe mô tô như nguyên đơn đã trình bày, giá mua bán xe các bên thỏa thuận là 48.000.000 đồng, ngoài ra là tiền do ông I, bà T và ông Th dán, bọc và làm thủ tục khác. Đối với yêu cầu tuyên bố 03 hợp đồng mua bán xe vô hiệu và yêu cầu trả lại số tiền mua xe cho các nguyên đơn bà M không nhất trí vì khi mua bán bà M cũng không biết 03 chiếc xe là tài sản trộm cắp, bà có đầy đủ các giấy tờ hợp pháp do Công an tỉnh Điện Biên cấp và việc mua bán là do các bên thỏa thuận. Đối với số tiền làm đăng ký xe, dán bọc xe và tiền lãi bà M không nhớ bà và các nguyên đơn có thỏa thuận làm thủ tục đăng ký, dán bọc và trả lãi hay không nên bà không nhất trí.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên; Quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273/BLTTDS năm 2015.

- Điều 116; 117; 119; 122; 123; 131; 357; 407; 430 và Điều 468/BLDS năm 2015;

- Điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1, 4, 9 Điều 26; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lò Văn I, bà Lương Thị T và ông Lò Văn T:

1.1. Tuyên bố Hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Lương Văn I, bà Lương Thị T, ông Lò Văn T và Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M, ông Mai Văn B vô hiệu.

Buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B phải hoàn trả cho ông Lò Văn I số tiền mua bán 01 chiếc xe mô tô là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B phải hoàn trả cho ông Lò Văn T số tiền mua bán 01 chiếc xe mô tô là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B phải hoàn trả cho bà Lương Thị T số tiền mua bán 01 chiếc xe mô tô là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn I về việc buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B hoàn trả lại số tiền 6.052.000 đồng làm đăng ký xe, dán bọc xe và tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn T về việc buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B hoàn trả lại số tiền 5.500.000 đồng làm đăng ký xe, dán bọc xe và tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị T về việc buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng tiền làm đăng ký xe và lắp bộ phận bảo vệ xe.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực và đương sự có đơn yêu cầu thi hành án nếu đương sự nào không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền mình phải trả thì đương sự đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468/BLDS năm 2015.

2. Về án phí:

Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B phải chịu: 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, Hộ kinh doanh bà M và ông B chưa nộp.

Ông Lò Văn I phải chịu 302.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.351.000 đồng ông đã nộp theo biên lai số 0000763 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, ông I được trả lại số tiền 1.049.000 đồng.

Bà Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.275.000 đồng bà đã nộp theo biên lai số 0000764 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, bà T được trả lại số tiền 975.000 đồng.

Ông Lò Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/10/2024, bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự vào bản án.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

1. Cấp phúc thẩm: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Kháng cáo của bị đơn đúng thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và có đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận vào bản án. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Án phí sơ thẩm và phúc thẩm đề nghị xác định theo quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ tại thị trấn M, huyện M, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét thủ tục kháng cáo

Ngày 27/9/2024 Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên tuyên án, ngày 10/10/2024, bị đơn nộp đơn kháng cáo; ngày 11/10/2024 bị đơn nộp cho Tòa án tạm ứng án phí phúc thẩm biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm. Theo quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo của bị đơn là hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3]. Nội dung kháng cáo

Bị đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên theo hướng chỉ bồi thường giá trị còn lại của mỗi chiếc xe sau khi đã trừ khấu hao sử dụng.

Tuy nhiên ngày 15/02/2025 và trước khi mở phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án ghi nhận vào bản án. Nội dung thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà M có trách nhiệm trả cho bà Lường Thị T số tiền 35.000.000 đồng. Bà M đã thanh toán xong số tiền 35.000.000 đồng theo biên bản ngày 15/02/2025.

Tại biên bản ngày 20/2/2025 bà M, ông Lò Văn I và bà H thống nhất: Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho ông Lò Văn I và ông Lò Văn T mỗi người số tiền là 38 triệu đồng. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt. PH thức thanh toán: Trả một lần. Thời gian thanh toán: Ngày 28/02/2025. Trường hợp bà Nguyễn Thị M không trả đúng thời gian trên thì phải chịu lãi suất chậm trả 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 3 Điều 27; khoản 2, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án.

Do cấp phúc thẩm sửa bản bản án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm của đương sự được xác định lại như sau:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên phải chịu 50% mức án phí sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch các đương sự phải chịu là: 900.000 đồng: 2 = 450.000 đồng. Bà M tự nguyện chịu phần án phí của các nguyên đơn nên số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà M, ông B phải chịu là: 450.000 đồng

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu là: Số tiền các đương sự thỏa thuận được với nhau là: 38.000.000 đồng + 38.000.000 đồng + 35.000.000 đồng = 111.000.000 đồng. Số tiền án phí là: (111.000.000 đồng x 5%) : 2 = 2.755.000 đồng. Bà M tự nguyện chịu phần án phí có giá ngạch của các nguyên đơn nên số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà M, ông B phải chịu là 2.755.000 đồng.

- Ông Lò Văn I phải chịu 302.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.351.000 đồng ông đã nộp theo biên lai số 0000763 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, ông I được trả lại số tiền 1.049.000 đồng.

- Bà Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.275.000 đồng bà đã nộp theo biên lai số 0000764 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, bà T được trả lại số tiền 975.000 đồng.

- Ông Lò Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000772 ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên. Bà M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 27; khoản 2, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Bà M có trách nhiệm trả cho bà Lương Thị T số tiền 35.000.000 đồng. Bà M đã thanh toán xong cho bà T số tiền 35.000.000 đồng theo biên bản ngày 15/02/2025.

1.1.2. Bà Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả cho ông Lò Văn I và ông Lò Văn T mỗi người số tiền là 38.000.000 đồng. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt. Phương thức thanh toán: Trả một lần. Thời gian thanh toán: Ngày 28/02/2025. Trường hợp bà Nguyễn Thị M không trả đúng thời gian trên thì phải chịu lãi suất chậm trả 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Giữ nguyên một phần Bản án sơ thẩm số: 03/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên cụ thể như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn I về việc buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B hoàn trả lại số tiền 6.052.000 đồng làm đăng ký xe, dán bọc xe và tiền lãi.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lò Văn T về việc buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B hoàn trả lại số tiền 5.500.000 đồng làm đăng ký xe, dán bọc xe và tiền lãi.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lương Thị T về việc buộc Hộ kinh doanh bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B hoàn trả lại số tiền 3.000.000 đồng tiền làm đăng ký xe và lắp bộ phận bảo vệ xe.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực và đương sự có đơn yêu cầu thi hành án nếu đương sự nào không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền mình phải trả thì đương sự đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468/BLDS năm 2015.

3. Về án phí:

2.3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B phải chịu 450.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị M và ông Mai Văn B phải chịu 2.755.000 đồng.

- Ông Lò Văn I phải chịu 302.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.351.000 đồng ông đã nộp theo biên lai số 0000763 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, ông I được trả lại số tiền 1.049.000 đồng.

- Bà Lương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.275.000 đồng bà đã nộp theo biên lai số 0000764 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, bà T được trả lại số tiền 975.000 đồng.

- Ông Lò Văn T được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.3.2. Án phí dân sự phúc thẩm

Bà M và ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000772 ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Điện Biên (Bà M và ông B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (20/02/2025).

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, HCTP TAND tỉnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thu Hương

